

**PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT****Bentonite speckles**

Số CAS: 7757-82-6 (Natri sunfate), 1302-78-9 (Bentonite Natri hoạt hóa)

Mã HS : 3802.90.20

EC/EINECS : 215-108-5

**PHẦN I. THÔNG TIN SẢN PHẨM VÀ DOANH NGHIỆP**

- Tên thường gọi : Bentonite Speckle
- Tên thương mại: Bentonite Natri hoạt hóa
- Đặc tính: Dạng hạt màu trắng, xanh lá, xanh da trời, màu đỏ

Tên nhà sản xuất và địa chỉ:

Công ty TNHH Đức Minh.

Đc: Khu CN Khai Quang, thôn Hán Lữ, phường Khai Quang, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Tel: +84 211 3847 187

Fax: +84 211 3847 188

website : www.dmgchemical.vn

Email : info@dmgchemical.vn

Mục đích sử dụng : Dùng trong ngành sản xuất bột giặt, chất tẩy rửa v.v.

**PHẦN II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN NGUY HIỂM****Thành phần:**

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS.	Công thức hóa học	Wt (%)
Đất sét nhóm Smectile hoạt hóa với ít hơn 5% Silica tinh thể	1302-78-9	Không xác định	~ 62
Natri sunfate	7757-82-6	Na <sub>2</sub> SO <sub>4</sub>	~ 26
Phụ gia	-	-	~ 1
Nước	7732-18-5	H <sub>2</sub> O	~ 11

**Đặc tính : Trương nở trong nước****PHẦN III. NHẬN DẠNG CÁC MÔI NGUY****Nhận diện môi nguy hiểm:****1. Phân loại tính nguy hiểm**

Hỗn hợp Bentonite (với ít hơn 10% khối lượng silica tinh thể) và Natri sunfat không được phân loại là nguy hiểm theo Quy định EC 1272/2008 và và quy định 67/548 / EC đã được sửa đổi. Tùy thuộc vào việc xử lý và sử dụng (nghiền, sấy khô, đóng bao), bụi có thể ảnh hưởng đến hệ hô hấp trong không khí có thể được tạo ra. Bụi chứa silica tinh thể có thể bị hít phải. Việc hít nhiều bụi silica tinh thể trong thời gian dài hoặc nhiều có thể gây xơ phổi, thường được gọi là bệnh bụi phổi silic. Các triệu chứng chính của bệnh bụi phổi silic là ho và khó thở. Tiếp xúc nghề nghiệp với bụi có thể hô hấp nên được theo dõi và kiểm soát. Sản phẩm phải được xử lý bằng các phương pháp và kỹ thuật giảm thiểu hoặc loại bỏ việc tạo ra bụi. Sản phẩm chứa ít hơn 1% khối lượng RCS (silica tinh thể mịn) được xác định bằng phương pháp SWERF. Hàm lượng silica tinh thể có thể hít phải được đo bằng phương pháp “Phần khí hít phải có trọng lượng theo kích thước - SWERF”. Tất cả thông tin chi tiết về phương pháp SWERF có tại [www.crystallinesilica.eu](http://www.crystallinesilica.eu)

**Phân loại theo Quy định (EC) 1272/2008:** Không được phân loại. Bentonite (với silica tinh thể ít hơn 10% khối lượng) và Natri sunfat không được xác định là chất độc hại

**Phân loại theo Chỉ thị 67/548 / EEC:** Không được phân loại. Bentonite (với silica tinh thể ít hơn 10% khối lượng) và Natri sunfat không đáp ứng tiêu chí đối với các chất nguy hiểm

**2. Các nhãn phân biệt nhận dạng**

Hợp chất hoặc hỗn hợp này không được phân loại là nguy hiểm theo quy định (EC) 1272/2008 [CLP]

**Biểu tượng / Chữ tượng hình:** Không áp dụng.

**Từ cảnh báo:** Không có

**Cảnh báo nguy cơ:** Không áp dụng

**Tuyên bố Phòng ngừa:** Không áp dụng

**Chỉ báo nguy hiểm:** Không áp dụng

**Cụm từ cảnh báo:** Không áp dụng

### 3. Các mối nguy hiểm khác:

Chất này không đáp ứng các tiêu chuẩn để phân loại là PBT hoặc vPvB.

Không có mối nguy hiểm nào khác được xác định.

## PHẦN IV. CÁC BIỆN PHÁP SƠ CẤP CỨU

### Lời khuyên chung:

Không có hiệu ứng mãn tính đã biết. Tham khảo ý kiến bác sĩ đối với tất cả các trường hợp phơi nhiễm ngoại trừ các

### Hít phải:

Di chuyển nguồn bụi hoặc di chuyển người đến nơi không khí trong lành. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế ngay lập tức.

### Tiếp xúc với da:

Không có biện pháp đặc biệt; rửa khu vực bị ảnh hưởng bằng xà phòng và nhiều nước. Nếu cần, hãy tìm lời khuyên y tế.

### Đánh vào mắt:

Không có biện pháp đặc biệt; rửa mắt ngay lập tức với nhiều nước. Nếu triệu chứng không suy giảm, hãy tìm đến chỉ

**Nuốt phải:** Không có biện pháp đặc biệt; Làm sạch miệng bằng nước và uống nhiều nước sau đó. Nếu triệu chứng không suy giảm, hãy tìm đến chỉ dẫn của y tế.

### Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và biểu hiện chậm:

Các triệu chứng cấp tính là đau mắt vì bụi bay vào. Không có các tổn thương nào được dự đoán nếu áp dụng điều trị sơ cứu và có hiệu quả.

**Chỉ định bất kỳ sự chăm sóc y tế tức thời nào và điều trị đặc biệt cần thiết:** Không cần chăm sóc y tế ngay lập tức

## PHẦN V. CÁC ĐẶC TÍNH VỀ CHÁY NỔ.

**Giới hạn dễ cháy:** Vật liệu này không cháy.

**Phương tiện chữa cháy:** Phương tiện chữa cháy thích hợp: Sản phẩm không dễ bắt lửa. Sử dụng bình chữa cháy khô nước, bột, bọt hoặc khí CO<sub>2</sub> để dập tắt đám cháy xung quanh. Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh. Không hạn chế phương tiện chữa cháy được sử dụng trong các trường hợp có đám cháy ở khu vực lân cận.

**Nguy hiểm đối với nhân viên chữa cháy:** Sự phân hủy nhiệt có thể dẫn đến giải phóng các khí và hơi gây khó chịu và độc hại.

**Thiết bị chữa cháy:** Nên sử dụng các thiết bị bảo hộ sau cho lính cứu hỏa khi có vật liệu này trong khu vực cháy: kính bảo hộ chống hóa chất, quần áo bảo hộ che thân, găng tay chống hóa chất và ủng cao su. Sản phẩm trên sàn khi bị ướt sẽ trở nên trơn và có thể gây nguy hiểm; đi ủng chống trơn trượt.

**Bảo vệ cá nhân:** Mang kính bảo hộ chống hóa chất, quần áo bảo hộ che thân, găng tay chống hóa chất, và ủng cao su.

**Mối nguy môi trường:** Không có dữ liệu

**Các sản phẩm cháy nguy hiểm:** Sự phân hủy do nhiệt có thể tạo ra khói độc của Sulfur dioxide.

## PHẦN VI. CÁC BIỆN PHÁP ỨNG CỨU, XỬ LÝ, PHÒNG NGỪA SỰ CỐ

### 1. Bảo hộ cá nhân và quy trình khẩn cấp.

#### Đối với người xử lý sự cố:

Thông gió khu vực sự cố

Giữ mức bụi ở mức tối thiểu

Giữ khoảng cách đối với người không được trang bị bảo hộ

Trang bị các thiết bị bảo hộ cá nhân như kính mắt, khẩu trang chống bụi, quần áo bảo hộ thông thường.

Mang ủng chống trượt nếu khu vực ứng cứu có sản phẩm bị ướt dây bẩn lên sàn vì sản phẩm khi ngấm nước rất trơn.

#### Đối với người được ứng cứu:

Thông gió khu vực sự cố

Giữ mức bụi ở mức tối thiểu

Di chuyển ngay ra khỏi khu vực sự cố

Trang bị các thiết bị bảo hộ cá nhân như kính mắt, khẩu trang chống bụi, quần áo bảo hộ thông thường.

Mang ủng chống trượt nếu khu vực ứng cứu có sản phẩm bị ướt dây bẩn lên sàn vì sản phẩm khi ngấm nước rất trơn.

### 2. Môi trường

Không có yêu cầu đặc biệt.

Nếu sản phẩm được thải ra từ xe tải trên đường, hãy đặt biển chỉ dẫn để chuyển hướng giao thông và loại bỏ chất bẩn bằng hệ thống hút bụi cầm tay hoặc các dụng cụ thu vét cầm tay.

### 3. Phương pháp và dụng cụ để làm sạch

Tránh hình thành bụi; tránh quét khô. Sử dụng bộ phận hút chân không, hoặc xéng xúc sản phẩm vào túi.

### 4. Tham khảo các phần khác

Đề bài in trong un ve cac bien pnap kiem soat phong niem / bao ve ca nnan noac san pnam unai do, vui long xem phần 8 và 13 của bảng dữ liệu an toàn này.

## PHẦN VII. SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

**1. Sử dụng:** Lưu ý phải mang đầy đủ thiết bị bảo hộ cá nhân khi tiếp xúc, sử dụng với hóa chất. Tránh không để dính vào mắt, da, tắm rửa bằng nước sạch sau khi sử dụng, tránh không hít bụi sản phẩm, thông gió tốt khu vực thao tác. Các vật dụng bảo hộ cá nhân cần được giặt sạch sau khi sử dụng. Không ăn uống, hút thuốc trong khu vực chứa, thao tác với

**2. Lưu trữ:** Kho chứa phải tuân thủ đầy đủ theo tất cả các quy định hiện hành về hóa chất. Các thùng chứa, bao chứa phải được đậy kín tránh gây tràn đổ trong quá trình vận chuyển hoặc sử dụng. Không được chứa với các vật liệu không tương thích khi bảo quản như các muối amoni v.v.

### 3. Sử dụng

Nếu bạn cần tư vấn về các mục đích sử dụng cụ thể, vui lòng liên hệ với nhà cung cấp của bạn

## PHẦN VIII. KIỂM SOÁT PHOI NHIỄM VÀ PHÒNG HỘ CÁ NHÂN

**Kiểm soát kỹ thuật:** Sử dụng với hệ thống thông gió đầy đủ. Đóng các thùng chứa. Vòi sen an toàn và đài phun nước rửa mắt phải ở trong tầm tiếp cận trực tiếp.

**Bảo hộ cá nhân :** Mang các dụng cụ bảo hộ cá nhân thông thường như găng tay, khẩu trang chống bụi, giày bảo hộ, đôi

**Kiểm soát phơi nhiễm:** Mang thiết bị bảo hộ để tuân thủ thực hành tốt vệ sinh lao động. Không ăn, uống, hút thuốc tại

**Kiểm soát ô nhiễm môi trường:** Tất cả các hệ thống thông gió phải được lọc tách bụi trước khi thải ra khí quyển. Tránh thải trực tiếp ra môi trường

## PHẦN IX. CÁC TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Ngoại quan	Dạng hạt màu trắng, màu xanh lá, màu xanh dương,	Điểm bắt cháy	Không phù hợp
Mùi	Có mùi nhẹ	Điểm phát nổ	KHông nổ
Màu sắc	Màu trắng, xanh lá, xanh dương hoặc đỏ	Tính oxyhoas	Không có tính oxy hóa
pH	9.0 – 10.5 (5% khối lượng trong nước)	Nhiệt độ tự phân hủy	Không phù hợp
Nhiệt độ sôi	Không phù hợp		
Nhiệt độ nóng chảy	Không có dữ liệu	Độ tan	Phân tán tốt trong nước

## PHẦN X. ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

**Độ ổn định :** Sản phẩm bền với các điều kiện lưu trữ bảo quản bình thường, tránh mưa nắng trực tiếp.

**Điều kiện không ổn định:** Trơn trượt khi ướt.

**Vật liệu cần tránh:** Tránh cất chung với các vật liệu có thể bị ảnh hưởng bởi bụi

**Sản phẩm phân hủy nguy hiểm:** Sự phân hủy do nhiệt có thể tạo ra khói độc của Sulfur dioxide (SO<sub>2</sub>).

## PHẦN XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

**Dữ liệu về chất độc cấp tính:** Sản phẩm không đáp ứng các tiêu chí phân loại là nguy hiểm theo Quy định EC 1272/2008 và Chỉ thị 67/548 / EC đã được sửa đổi. Sản phẩm chứa ít hơn 1% w / w RCS (silica tinh thể hô hấp). Sản phẩm không độc hại sâu sắc.

**Hít phải:** Không có sẵn dữ liệu.

**Đường uống:** LD<sub>50</sub> > 2000 mg / kg thể trọng (OECD 425, chuột)

**Da:** Không có dữ liệu. Bentonite hầu như không hòa tan và có độ hấp thụ qua da thấp.

**Kích ứng / an mon:**

Hỗn hợp bentonit và natri sunfat không gây kích ứng da (OECD 404, thỏ).

Hỗn hợp bentonit và natri sunfat không gây kích ứng mắt (OECD 405, thỏ).

Hỗn hợp bentonit và natri sunfat được phân loại là chất gây kích ứng nhẹ cho mắt (theo tiêu chí Kay & Calandra đã sửa đổi)

**Độc tính liều lặp lại - Hít phải:** Dữ liệu trên động vật và trong ống nghiệm cho thấy sự khác biệt giữa silica tinh thể và hàm lượng silica của bentonit. Không thể đánh giá định lượng dựa trên dữ liệu động vật vì không có nghiên cứu liên quan đến việc hít phải liều lặp lại.

Dữ liệu về con người được giới hạn trong các báo cáo trường hợp cho thấy mối liên hệ giữa mức độ phơi nhiễm bentonit cao (phơi nhiễm vào đầu thế kỷ 20 mà không có các biện pháp bảo vệ hiện đại và giới hạn tiếp xúc bụi tối đa). Liên kết

giữa phơi nhiễm bentonit và bệnh bụi phổi silic không được coi là đã được chứng minh đầy đủ.

Liên quan đến phân loại và ghi nhãn bentonit, bằng chứng không được coi là đầy đủ để đưa ra kết luận về phân loại cụ thể của bentonit với độc tính đối với cơ quan đích cụ thể khi tiếp xúc nhiều lần (STOT-RE). Phôi có thể bị ảnh hưởng khi tiếp xúc với liều lượng cao lặp đi lặp lại, điều này đã được đề xuất bởi các báo cáo trường hợp ở người. Liệu hiệu ứng này chỉ xảy ra ở nồng độ làm quá tải khả năng thanh thải của phổi và không liên quan đến con người kể từ khi thiết lập các giới hạn tiếp xúc với bụi phổi silic.

**Khả năng gây ung thư:** Không có dữ liệu. Việc phân loại khả năng gây ung thư không được xác nhận.

Bentonite được IARC đánh giá là loại 3 ("Không thể được phân loại là có khả năng gây ung thư cho người"). Dựa trên sự liên hệ qua với sepiolite, hỗn hợp bentonit và natri sunfat được đánh giá là không gây ung thư.

## PHẦN XII. ĐỘC TÍNH VỚI MÔI TRƯỜNG SINH THÁI

### **Độc tính:**

#### **Độc tính cấp tính / kéo dài đối với cá:**

LC<sub>50</sub> (96h) đối với cá nước ngọt (cá hồi vân): 16000 mg / l.

LC<sub>50</sub> (24h) đối với cá nước biển (cá vược đen, cá vược warmouth, cá mang xanh và cá thái dương): 2800-3200 mg / l

Độc tính cấp tính / kéo dài đối với động vật không xương sống dưới nước:

EC<sub>50</sub> (96h) đối với động vật không xương sống nước ngọt (cua Dungeness): 81,6 mg / l

EC<sub>50</sub> (96h) đối với động vật không xương sống nước ngọt (tôm cấp bốn): 24,8 mg / l

#### **Độc tính cấp tính / kéo dài đối với thực vật thủy sinh:**

EC<sub>50</sub> (72h) đối với tảo nước ngọt:> 100 mg / l.

Độc tính đối với vi sinh vật, ví dụ: vi khuẩn:

EC<sub>50</sub> (48h) đối với daphnia magna (OECD 202):> 100 mg / l

#### **Độc mãn tính đối với các sinh vật dưới nước:**

Không có dữ liệu

#### **Độc đối với sinh vật sống trong đất**

Không có dữ liệu

#### **Độc đối với thực vật trên cạn**

Không có ảnh hưởng nào đến sự phát triển của đậu (Phaseolus vulgaris) hoặc ngô (Zea mays) khi thêm bentonite ở nồng độ 135 g / 1,6 kg đất

#### **Tác dụng chung :**

Không có tác dụng phụ cụ thể nào được biết đến.

#### **Độ bền và khả năng phân hủy sinh học:**

Không phù hợp vì là các chất vô cơ

#### **Tiềm năng tích tụ sinh học:**

Không có dữ liệu

#### **Tính phân tán trong đất :**

Bentonite hầu như không hòa tan và do đó có tính linh động thấp trong hầu hết các loại đất.

#### **Kết quả đánh giá PBT và vPvB :**

Không phù hợp

#### **Các tác dụng phụ khác:**

Không có tác dụng phụ nào khác được xác định

## PHẦN XIII. QUY ĐỊNH VỀ THẢI BỎ VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

### **Các phương pháp xử lý chất thải :**

Sản phẩm hủy / sản phẩm không sử dụng có thể được xử lý tại các bãi chôn lấp theo quy định của quốc gia và địa phương.

Vứt bỏ theo cách này để tránh tạo ra bụi. Nếu có thể, việc tái chế nên được ưu tiên hơn là loại bỏ.

### **Bao gói, lưu trữ**

## PHẦN XIV. QUY ĐỊNH VỀ VẬN CHUYỂN

**Quy định vận tải:** 42/2020 / NĐ-CP Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm tại Việt Nam

**Dán nhãn vận chuyển:** Theo quy định của 42/2020/NĐ-CP

**Theo quy định về vận chuyển quốc tế:** Sản phẩm không được quy định là sản phẩm cần có quy định nghiêm ngặt về vận chuyển

**Vận tải đường bộ (DOT):** Không nguy hiểm khi vận tải bằng đường bộ.

**Vận tải biển (IMDG):** Không nguy hiểm khi vận tải bằng đường biển.

**Vận tải hàng không (ICAO-TI / IATA-DGR):** Không nguy hiểm khi vận tải bằng đường hàng không.

## PHẦN XV. CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

**Các quy định / luật pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường dành riêng cho sản phẩm:**

**Ủy quyền:** Không bắt buộc

**Hạn chế sử dụng:** Không có

**Các quy định khác của EU:** Bentonite không phải là chất SEVESO, không phải là chất làm suy giảm tầng ôzôn và không phải là chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy.

**Các quy định quốc gia:** Tham khảo các giới hạn tiếp xúc theo quy định đối với lực lượng lao động được thực thi ở mỗi quốc gia

(xem Phụ lục 1 và liên kết trong phần 8).

**Yêu cầu luật pháp quốc tế:** Sản phẩm (bentonit) không được Cơ quan Quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp (OSHA) phân loại riêng. Sản phẩm chưa được OSHA, Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Quốc tế (IARC) và Chương trình Độc chất Quốc gia (NTP) phân loại là chất gây ung thư ở người

**Đánh giá an toàn hóa chất:**

Bentonite được miễn đăng ký REACH theo Phụ lục V.7. Một đánh giá nguy cơ đã được thực hiện dưới sự bảo trợ của Hiệp hội Bentonite Châu Âu (EUBA) và kết quả là bentonite không phải là một chất độc hại. Do đó, trong trường hợp

## PHẦN XVI. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Được soạn thảo bởi Công ty TNHH Đức Minh

Sửa đổi lần 3 . Tháng 8 năm 2019

**Các tài liệu tham khảo**

**OECD SIDS:** Soluble Silicate, International Programme on Chemical Safety (IPCS): Chemical Safety Information from Intergovernmental Organization (INCHEM), France 20-23 April 2004

**IUCLID Dataset Substance ID:1344-09-8, European Commission – European Chemicals Bureau, 18 Feb 2000. Soluble Silicate:** Chemical, toxicological, ecological and legal aspects of production, transport, handling and application, European Chemical Industry Council, Belgium. Feb 2013

**ESIS : European chemical Substances Information System,** <http://esis.jrc.ec.europa.eu/>, 29 May 2014

**International Chemical Safety Cards:** Sodium Silicate (solution 25-50%), The National Institute for Occupational Safety and Health (NIOSH), <http://www.cdc.gov/niosh/ipcsneng/neng1137.html>, 20 June 2014

**Alphabetical index of substances and articles, United Nations Recommendations on the Transport of**

**Dangerous Goods (UNRTDG)** [http://www.unece.org/fileadmin/DAM/trans/danger/publi/unrec/rev14/English/05E\\_Index.pdf](http://www.unece.org/fileadmin/DAM/trans/danger/publi/unrec/rev14/English/05E_Index.pdf), 30 June 2014

*Thông tin trên bảng dữ liệu an toàn này được cho là chính xác và đây là thông tin tốt nhất có sẵn cho Công ty TNHH Ducminh không bảo hành về tính năng cơ khí hoặc bất kỳ bảo hành nào khác, rõ ràng hay ngụ ý đối với thông tin đó hoặc sản phẩm liên quan đến, và chúng tôi không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào phát sinh từ việc sử dụng hoặc xử lý sản phẩm có liên quan đến bảng dữ liệu An toàn này. Thông tin này không nhằm mục đích bao gồm tất cả về cách thức và điều kiện sử dụng, xử lý, lưu trữ, thải bỏ và các yếu tố khác có thể liên quan đến các cân nhắc pháp lý, môi trường, an toàn hoặc hiệu suất khác hoặc bổ sung, và Ducminh Company Limited không chịu bất kỳ trách nhiệm nào để sử dụng hoặc dựa vào thông tin này. Mặc dù nhân viên kỹ thuật của chúng tôi sẽ sẵn lòng trả lời các câu hỏi nhưng việc xử lý và sử dụng sản phẩm an toàn vẫn là trách nhiệm của khách hàng. Không có đề xuất sử dụng nào nhằm mục đích và không có gì ở đây được hiểu là đề xuất vi phạm bất kỳ bằng sáng chế hiện có nào hoặc vi phạm bất kỳ luật pháp địa phương hoặc nước ngoài nào. Người dùng và người xử lý sản phẩm này nên tự mình điều tra để xác định tính phù hợp của thông tin được cung cấp ở đây cho mục đích riêng của họ.*